

Số: 73 /KH-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 12 tháng 6 năm 2013

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
ĐẾN	Số: .. 519
	Ngày: 13/6
	Chuyên: ... Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2013

KẾ HOẠCH

Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2013

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ XẾP HẠNG NĂNG LỰC CẠNH TRANH (PCI) CỦA TỈNH NĂM 2012

1. Kết quả chung

Năm 2012, năng lực cạnh tranh (PCI) của Tỉnh xếp hạng 30/63 trong bảng tổng sắp, giảm 8 bậc so năm 2011.

Trong 9 chỉ số thành phần của PCI, chỉ có 05 chỉ số thành phần đã cải thiện được vị trí gồm:

- Chỉ số *Tiếp cận đất đai và Sự ổn định trong sử dụng đất* xếp thứ 59/63, tăng 4 bậc.

- Chỉ số *Tính minh bạch* xếp thứ 4/63, tăng 11 bậc.

- Chỉ số *Chi phí không chính thức* xếp thứ 48/63, tăng 01 bậc;

- Chỉ số *Hỗ trợ doanh nghiệp* xếp thứ 42/63, tăng 12 bậc;

- Chỉ số *Thiết chế pháp lý* xếp thứ 25/63, tăng 32 bậc.

Có 04 chỉ số thành phần giảm vị trí xếp hạng, gồm:

- Chỉ số *Chi phí gia nhập thị trường* xếp thứ 8/63, giảm 4 bậc;

- Chỉ số *Chi phí thời gian để thực hiện các quy định của Nhà nước* xếp thứ 43/63, giảm 39 bậc;

- Chỉ số *Tính năng động và tiên phong của chính quyền tỉnh* xếp thứ 24/63, giảm 3 bậc;

- Chỉ số *Đào tạo lao động* xếp thứ 42/63, giảm 22 bậc.

Bảng 1: VỊ TRÍ PCI CỦA THỪA THIÊN HUẾ

S T T	Các chỉ số thành phần	Số cả nước (63 tỉnh, TP)			Số vùng Duyên hải miền Trung (14 tỉnh, TP)			Số vùng KTTĐ miền Trung (5 tỉnh, TP)		
		2010	2011	2012	2010	2011	2012	2010	2011	2012
	PCI tổng hợp	18/63	22/63	30/63	3/14	6/14	6/14	2/5	4/5	4/5
1	Chi phí gia nhập thị trường	16	4	8	4	1	3	3	1	3

2	Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất	58	63	59	14	14	14	5	5	5
3	Tính minh bạch	13	15	4	3	6	1	3	4	4
4	Chi phí về thời gian để thực hiện các quy định của Nhà nước	29	4	43	7	6	12	3	1	5
5	Chi phí không chính thức	7	49	48	1	10	2	1	5	5
6	Tính năng động và tiên phong của chính quyền tỉnh	33	21	24	5	7	4	3	3	3
7	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	26	54	42	7	14	13	2	5	5
8	Đào tạo lao động	16	20	42	4	7	11	2	2	4
9	Thiết chế pháp lý	10	57	26	3	7	4	3	5	2

2. Những chuyên biến tích cực

a) **Chỉ số Tiếp cận đất đai và Sự ổn định trong sử dụng đất** xếp thứ 59/63, tăng 4 bậc. Tuy chỉ số này của Thừa Thiên Huế đang xếp thứ hạng rất thấp nhưng một số chỉ tiêu thành phần đã có chuyên biến tích cực, cụ thể:

- Có 74,39% doanh nghiệp có GCNQSD đất, xếp thứ 35/63, tăng 22 bậc (Tỉnh cao nhất có 93,6%, thấp nhất có 54% doanh nghiệp có GCNQSDĐ).

- Chỉ tiêu doanh nghiệp đánh giá rủi ro bị thu hồi đất xếp thứ 15/63, tăng 44 bậc.

- Có 37,76% doanh nghiệp cho rằng nếu bị thu hồi đất, doanh nghiệp sẽ được bồi thường thỏa đáng, xếp thứ 30/63 tăng 2 bậc.

- Tỷ lệ diện tích đất trong tỉnh có GCNQSD đất chính thức đạt 29,22%, xếp thứ 63/63, không thay đổi vị trí xếp hạng.

- Có 64,91% doanh nghiệp cho rằng sự thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường, xếp thứ 46/63, không thay đổi vị trí xếp hạng.

- Có 25,37% doanh nghiệp cho rằng không gặp cản trở về mặt bằng kinh doanh, xếp thứ 42/63, tăng 13 bậc (Tỉnh tốt nhất có 52,88% doanh nghiệp, tỉnh thấp nhất có 11,25% doanh nghiệp cho rằng không gặp cản trở về mặt bằng kinh doanh).

b) **Chỉ số Tính minh bạch, xếp thứ 4/63, tăng 11 bậc.** Các chỉ tiêu thành phần có vị trí xếp hạng như sau:

- Tính minh bạch của các tài liệu kế hoạch xếp thứ 32/63, tăng 6 bậc.

- Tính minh bạch của các tài liệu pháp lý như quyết định, nghị định, xếp thứ 40/63, tăng 2 bậc.

- Doanh nghiệp cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh, xếp thứ 22/63, tăng 18 bậc.

- Có 7,34% doanh nghiệp cho rằng luôn luôn hoặc thường xuyên có khả năng có thể dự đoán được trong thực thi pháp luật của tỉnh, xếp thứ 27/63, tăng 14 bậc.

- Chỉ tiêu độ mở của trang web xếp thứ 3/63, tăng 01 bậc.

- Có 37,23% doanh nghiệp cho rằng các Hiệp hội doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong tư vấn và phản biện các chính sách của tỉnh tăng 33 bậc, xếp thứ 20/63.

- Tuy nhiên, có 51% doanh nghiệp hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý việc thương lượng với cán bộ thuế là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh, xếp thứ 30/63, giảm 13 bậc.

c) Chỉ số Chi phí không chính thức xếp thứ 48/63, tăng 01 bậc; cụ thể:

Các chỉ tiêu có vị trí xếp hạng tăng:

- Có 53,17% doanh nghiệp cho rằng các doanh nghiệp cùng ngành trả chi phí không chính thức, tăng 9 bậc, xếp thứ 32/63.

- Có 6,17% doanh nghiệp cho rằng phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức, tăng 11 bậc, xếp thứ 29/63.

- Có 47,87% doanh nghiệp cho rằng “Những nhiều khi giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp là phổ biến”, xếp thứ 43/63, tăng 16 bậc (cao nhất là Cao Bằng 68,85%, thấp nhất là Kiên Giang 18%).

- Có 39,5% doanh nghiệp cho rằng luôn luôn hoặc thường xuyên công việc được giải quyết sau khi đã trả chi phí không chính thức, xếp thứ 4/63, tăng 36 bậc (cao nhất là Hòa Bình 76,8%, thấp nhất là Bến Tre 24,75%).

Tuy nhiên, có 2 chỉ tiêu giảm mạnh, cụ thể:

- Có 40,9% doanh nghiệp cho rằng phải trả hoa hồng để có được hợp đồng từ các cơ quan nhà nước, xếp thứ 36/63, giảm 12 bậc.

- Có 29,6% doanh nghiệp cho rằng phải chi trả chi phí không chính thức khi đăng ký kinh doanh, xếp thứ 39/63, giảm 23 bậc (thấp nhất là Hải Phòng 0,31%, cao nhất là Vĩnh Phúc 66,48%).

d) Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp xếp thứ 42/63, tăng 12 bậc

Một số chỉ tiêu thành phần có vị trí xếp hạng tăng:

- Chỉ tiêu số hội chợ thương mại do Tỉnh tổ chức trong năm xếp thứ 55/63 tỉnh, tăng 7 bậc.

- Có 33,1% doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm thông tin kinh doanh, xếp thứ 9/63, tăng 4 bậc.

- Có 56,52% doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ tư vấn về thông tin pháp luật, xếp thứ 4/63, tăng 24 bậc.

- Có 49,4% doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ hỗ trợ tìm đối tác kinh doanh, xếp thứ 3/63, tăng 19 bậc.

- Có 42,39% doanh nghiệp đã sử dụng các dịch vụ liên quan đến công nghệ, xếp thứ 11/63, tăng 22 bậc (tỉnh tốt nhất có 50% doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ liên quan đến công nghệ, tỉnh kém nhất chỉ có 13,51%).

- Có 11,54% doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho các dịch vụ liên quan đến công nghệ, xếp thứ 10/63, tăng 3 bậc.

Tuy nhiên, có 10/16 chỉ tiêu thành phần của Chỉ số này bị giảm mạnh vị trí xếp hạng, cụ thể:

- Chỉ tiêu số nhà cung cấp dịch vụ công là tư nhân trong tỉnh xếp thứ 34/63, giảm 4 bậc (năm 2011 Thừa Thiên Huế có 9 doanh nghiệp, năm 2012 có 7 doanh nghiệp) (tỉnh cao nhất có 2862 doanh nghiệp tư nhân cung cấp dịch vụ công, tỉnh ít nhất không có doanh nghiệp nào).

- Có 20,8% doanh nghiệp sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm thông tin kinh doanh, xếp thứ 50/63, giảm 27 bậc (tỉnh tốt nhất có 56,67% doanh nghiệp sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm thông tin kinh doanh, tỉnh kém nhất chỉ có 4,35% doanh nghiệp).

- Có 9,62% doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ tư vấn về thông tin pháp luật, xếp thứ 57/63, giảm 30 bậc.

- Có 21,9% doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ tư vấn về thông tin pháp luật, xếp thứ 23/63, giảm 14 bậc.

- Có 34,1% doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ hỗ trợ tìm đối tác kinh doanh, xếp thứ 50/63, giảm 37 bậc.

- Có 19,23% doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân trên cho dịch vụ hỗ trợ tìm đối tác kinh doanh, xếp thứ 23/63, giảm 12 bậc.

- Có 36,5% doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại, xếp thứ 15/63, giảm 25 bậc.

- Có 9,7% doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ xúc tiến thương mại, xếp thứ 49/63, giảm 30 bậc.

- Có 6,72% doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ xúc tiến thương mại, xếp thứ 51/63, giảm 32 bậc.

- Có 20,51% doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho các dịch vụ liên quan đến công nghệ, xếp thứ 57/63, giảm 34 bậc.

e) Chỉ số Thiết chế pháp lý xếp thứ 25/63, tăng 32 bậc. Vị trí xếp hạng của các chỉ tiêu thành phần như sau:

- Số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên 100 doanh nghiệp do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý, tăng 33 bậc, xếp thứ 28/63.

- Có 67,9% doanh nghiệp tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật (bản quyền hoặc thực thi hợp đồng), tăng 04 bậc, xếp thứ 24/63 tỉnh (Tỉnh tốt nhất có 81,82% doanh nghiệp tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật).

- Tỷ lệ nguyên đơn không thuộc nhà nước trên tổng số nguyên đơn tại Tòa án kinh tế tỉnh, xếp thứ 27/63, tăng 34 bậc.

- Có 40% doanh nghiệp sử dụng tòa án hoặc các thiết chế pháp lý khác để giải quyết tranh chấp, xếp thứ 8/63, tăng 20 bậc.

- Doanh nghiệp mất 4,54 tháng để giải quyết vụ kiện tại tòa, tăng 14 bậc, xếp thứ 32/63.

Tuy nhiên, có 2 chỉ tiêu giảm mạnh, cụ thể:

- Chỉ có 17,91% doanh nghiệp cho rằng Hệ thống tư pháp luôn luôn hoặc thường xuyên cho phép các doanh nghiệp tố cáo hành vi tham nhũng của các công chức, xếp thứ 55/63, giảm 24 bậc.

- Mất 20,37% chi phí (chính thức và không chính thức) để giải quyết tranh chấp trong tổng giá trị tranh chấp, xếp thứ 46/63¹, giảm 26 bậc.

3. Những điểm yếu

a) Chỉ số Chi phí gia nhập thị trường xếp thứ 8/63, giảm 4 bậc.
Nguyên nhân giảm do tác động của các chỉ tiêu thành phần sau:

- Thời gian đăng ký kinh doanh trung vị của doanh nghiệp là 10 ngày, xếp trong nhóm thứ 5/9 nhóm (năm 2011 xếp trong nhóm thứ 1/9 nhóm) (tinh thấp nhất chỉ mất là 07 ngày; tinh cao nhất là 15 ngày).

- Thời gian đăng ký kinh doanh bổ sung của doanh nghiệp là 7 ngày, xếp trong nhóm thứ 6/10 nhóm (tinh tốt nhất có thời gian hoàn thành là 3 ngày, tinh kém nhất có thời gian hoàn thành là 15 ngày).

- Có 8,0% doanh nghiệp cho rằng cần thêm giấy phép kinh doanh khác, xếp thứ 25/63 tinh, giảm 12 bậc.

(Tinh có vị thứ tốt nhất là không có doanh nghiệp nào cho rằng họ phải làm thêm các loại giấy phép kinh doanh khác, tinh kém nhất có 50% doanh nghiệp cho rằng phải làm thêm các loại giấy phép kinh doanh khác).

- Thời gian chờ đợi trung vị để được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của doanh nghiệp là 30 ngày, xếp trong nhóm 8/17 nhóm (năm 2011, xếp trong nhóm 7/16 nhóm).

(Thời gian trung vị của tinh ngắn nhất là 15 ngày, thời gian chờ đợi dài nhất là 60 ngày).

Tuy nhiên, có 03 chỉ tiêu thành phần của chỉ tiêu này cải thiện được vị trí xếp hạng:

- Cần 1,01 tổng số giấy đăng ký và giấy phép cần thiết để chính thức hoạt động, kể cả giấy phép được yêu cầu bổ sung từ năm 2010; xếp trong nhóm thứ 2/12 nhóm (năm 2011 xếp trong nhóm 6/20 nhóm).

- Không có doanh nghiệp nào cho rằng phải chờ hơn ba tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục và bắt đầu hoạt động, xếp thứ 13/63 tinh, tăng 13 bậc.

- Không có doanh nghiệp nào cho rằng phải chờ hơn một tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để bắt đầu hoạt động, xếp thứ 22/63, tăng 14 bậc.

b) Chỉ số Chi phí thời gian để thực hiện các quy định của Nhà nước xếp thứ 43/63, giảm 39 bậc

Nguyên nhân giảm do tác động của các chỉ tiêu thành phần sau:

- Chỉ có 25,4% doanh nghiệp cho rằng không có bất kỳ sự thay đổi nào sau khi thực hiện CCHCC, xếp thứ 29/63, giảm 23 bậc.

- Chỉ có 15,7% doanh nghiệp cho rằng các loại phí, lệ phí của nhiều thủ tục giảm sau khi thực hiện CCHCC, xếp thứ 31/63, giảm 29 bậc.

- Chỉ có 29,9% doanh nghiệp cho rằng các cán bộ nhà nước làm việc hiệu quả hơn sau khi thực hiện CCHC công, xếp thứ 45/63, giảm 19 bậc.

- Số giờ trung vị thanh tra thuế làm việc với doanh nghiệp là 8 giờ, xếp trong nhóm 10/12 (năm 2011 xếp trong nhóm 9/12) (Tỉnh tốt nhất thời gian làm việc trung vị là 1 giờ, tỉnh nhiều nhất là 24 giờ).

- Có 10% doanh nghiệp cho rằng sử dụng hơn 10% quỹ thời gian để thực hiện các quy định của Nhà nước, xếp thứ 44/63, giảm 01 bậc.

- Có 02 cuộc thanh tra trung vị (tất cả các cơ quan), xếp trong nhóm 5/5 (năm 2011, xếp trong nhóm 1/4) (tỉnh thấp nhất là Tây Ninh không cuộc, cao nhất là 2 cuộc gồm có 22 tỉnh, thành).

Một số chỉ tiêu thành phần của chỉ số này có vị trí xếp hạng tăng:

- Có 24,6% doanh nghiệp cho rằng số lần đi xin dấu và xin chữ ký của doanh nghiệp giảm sau khi thực hiện CCHCC, xếp thứ 30/63 tỉnh, tăng 05 bậc.

- Có 37,3% doanh nghiệp cho rằng thủ tục giấy tờ giảm sau khi thực hiện CCHCC, xếp thứ 39/63, tăng 9 bậc.

c) Chỉ số Tính năng động và tiên phong của chính quyền tỉnh xếp thứ 24/63, giảm 3 bậc. Nguyên nhân:

- Có 61,39% doanh nghiệp cho rằng cán bộ tỉnh nắm vững các chính sách, quy định hiện hành trong khung khổ pháp luật để giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; xếp thứ 41/63, giảm 12 bậc;

(Tỉnh tốt nhất có 88,4% doanh nghiệp đồng ý, tỉnh kém nhất có 34,5% doanh nghiệp đồng ý).

Có 01 chỉ số thành phần cải thiện được vị trí xếp hạng:

- 56,67% doanh nghiệp cảm nhận tích cực hoặc rất tích cực về thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân, xếp hạng 9/63, tăng 13 bậc.

d) Chỉ số Đào tạo lao động xếp thứ 42/63, giảm 22 bậc.

Một số chỉ tiêu thành phần xếp vị trí thấp gồm:

- Có 49,6% doanh nghiệp đánh giá tốt dịch vụ dạy nghề do các cơ quan nhà nước tại địa phương cung cấp, xếp thứ 21/63, giảm 3 bậc.

- Chỉ có 3,45% doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm của nhà cung cấp dịch vụ tư nhân, xếp thứ 60/63, giảm 10 bậc (tỉnh tốt nhất có tỷ lệ 38,6%, tỉnh kém nhất có tỷ lệ 2%).

- Có 10,3% doanh nghiệp có ý định sẽ sử dụng lại nhà cung cấp các dịch vụ giới thiệu việc làm, xếp thứ 58/63, giảm 44 bậc.

- Có 91,5% doanh nghiệp hài lòng với chất lượng lao động, xếp thứ 41/63, giảm 21 bậc (tỉnh tốt nhất có tỷ lệ 100%, tỉnh kém nhất có tỷ lệ 71,6%).

- Chỉ có 8,27% số lao động tốt nghiệp THCS được đào tạo thêm trên tổng lực lượng lao động của tỉnh; xếp thứ 27/63, không thay đổi vị trí xếp hạng (tỉnh tốt nhất có tỷ lệ 19%, tỉnh kém nhất có tỷ lệ 2%).

Một số chỉ tiêu của Chỉ số thành phần này có cải thiện gồm:

- Có 66,67% doanh nghiệp đánh giá tốt dịch vụ do các cơ quan nhà nước tại địa phương cung cấp về giáo dục phổ thông, xếp thứ 9/63, tăng 4 bậc.

- Có 45,4% doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ tuyển dụng và giới thiệu việc làm, xếp thứ 12/63, tăng 8 bậc.

- Doanh nghiệp đã chi 5,11% tổng chi phí kinh doanh cho đào tạo lao động, xếp thứ 13/63, tăng 21 bậc

- Doanh nghiệp đã chi 6,6% tổng kinh phí kinh doanh cho tuyển dụng lao động, xếp thứ 6/63, tăng 19 bậc.

- Có 5,8% số lượng học viên tốt nghiệp trường đào tạo nghề trên tổng số lao động chưa qua đào tạo, xếp thứ 18/63, tăng 13 bậc.

Tóm lại: Mặc dù đã có nhiều nỗ lực trong cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính, song năm 2012, vị trí xếp hạng PCI của tỉnh lại giảm thêm 8 bậc; trong đó có đến 04 chỉ số tụt dốc do tác động của *Chi phí thời gian để thực hiện các quy định của Nhà nước, chi phí thời gian để hoàn tất các thủ tục hành chính, nhất là thời gian cấp đăng ký kinh doanh, thời gian chờ đợi để được cấp giấy chứng nhận QSDĐ*, chất lượng của các dịch vụ đào tạo và giới thiệu việc làm, tính năng động và tiên phong của các cấp chính quyền. Điều này đòi hỏi các ngành, các cấp phải có những nỗ lực nhiều hơn nữa để tạo sự chuyển biến về chất trong việc cải cách hành chính của địa phương.

II. KẾ HOẠCH NÂNG CAO VỊ TRÍ XẾP HẠNG PCI

1. Mục tiêu: Cải thiện môi trường kinh doanh, nâng vị trí xếp hạng PCI của Tỉnh trở lại nhóm dẫn đầu của cả nước.

2. Nhiệm vụ

Lãnh đạo, người đứng đầu các Sở ngành, UBND thành phố Huế; thị xã Hương Trà, Hương Thủy; UBND các huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ sau:

2.1. Quán triệt trách nhiệm của lãnh đạo, cá nhân người đứng đầu trong thực thi chức trách nhiệm vụ của đơn vị được giao đảm bảo thực hiện tốt các yêu cầu của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2.2. Tổ chức cung cấp công khai và thường xuyên các thông tin liên quan đến quy hoạch, kế hoạch kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất đai, các chính sách ưu đãi của Tỉnh, quy trình thủ tục hành chính thuộc trách nhiệm giải quyết... trên Trang thông tin điện tử và tại công sở của mình.

2.3. Kiện toàn bộ phận tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo: **100%** các cơ quan có bộ phận tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

- Đến 31/12/2013 phấn đấu trên **80%** các cơ quan thuộc UBND tỉnh và các địa phương được ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO trong quản lý

nhà nước được cấp giấy chứng nhận; 100% các cơ quan ứng dụng thông suốt 5 phần mềm dùng chung của tỉnh để phục vụ chỉ đạo điều hành của tỉnh.

- Bắt buộc các bộ phận tiếp nhận thủ tục hành chính phải có phiếu tiếp nhận tạm thời kèm hướng dẫn thủ tục hành chính ngay từ khi người dân, doanh nghiệp đến nộp hồ sơ lần đầu. Các lần hướng dẫn, bổ sung hồ sơ phải được thể hiện bằng văn bản. Không được hướng dẫn quá một lần, yêu cầu bổ sung hồ sơ quá một lần đối với một thủ tục hành chính.

2.4. Tiến hành thanh tra công vụ các bộ phận tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, bộ phận một cửa *mỗi năm ít nhất một lần*. Phân tích kỹ các nguyên nhân hướng dẫn, yêu cầu bổ sung thủ tục nhiều lần; giải quyết trễ hạn; làm rõ trách nhiệm của từng cá nhân công chức liên quan. Tiến hành xử lý hành chính đối với những công chức vi phạm quy trình hoặc năng lực nghiệp vụ kém. Báo cáo kết quả về Sở Nội vụ tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét chỉ đạo trước ngày 23/11 hàng năm.

2.5. Tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 51/2012/CT-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh về tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm trong thi hành công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.6. Xây dựng kế hoạch cụ thể về nâng cao vị trí xếp hạng PCI cho năm 2013 (có tầm nhìn đến năm 2015).

Khi xây dựng kế hoạch nâng cao vị trí xếp hạng PCI, ngoài việc phát huy những kết quả tích cực đã đạt được trong năm 2012, các Sở, ngành, UBND cấp huyện, các Ban quản lý khu kinh tế, khu công nghiệp lưu ý đưa ra giải pháp và chỉ tiêu cụ thể về các nội dung sau:

2.6.1. Giảm chi phí gia nhập thị trường của doanh nghiệp

- Sở Kế hoạch và Đầu tư:

+ Giảm số ngày đăng ký kinh doanh, nâng cao chất lượng phục vụ trong giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký kinh doanh, cấp Giấy chứng nhận đầu tư tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.

+ Thống nhất cơ quan đầu mối, giảm số ngày và chuẩn hóa quy trình cấp đăng ký kinh doanh cấp huyện; cơ chế kiểm tra, giám sát công tác đăng ký kinh doanh trên địa bàn toàn tỉnh.

- Sở Tài Nguyên và Môi trường:

+ Tập trung chỉ đạo thực hiện nhanh chóng các yêu cầu về thủ tục đất đai, giải phóng mặt bằng, và các thủ tục liên quan đến tài nguyên môi trường cho các doanh nghiệp đến đầu tư và hoạt động SXKD trên địa bàn tỉnh;

+ Chỉ đạo khắc phục những tồn tại, hạn chế trong giải quyết thủ tục hành chính nhằm giảm số ngày chờ đợi được cấp Giấy CNQSD; đẩy nhanh tiến độ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn tỉnh.

- Ban quản lý khu kinh tế Chân Mây Lăng Cô: Giám số ngày giải quyết thủ tục hành chính. Đảm bảo thời gian giải quyết các thủ tục hành chính tại Ban bằng hoặc thấp hơn thời gian giải quyết của các Sở.

- Các Sở, ngành khác:

Giám số ngày cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ đủ điều kiện hoạt động sau khi có Giấy chứng nhận ĐKKD.

2.6.2. Cải thiện việc tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất

- Sở Tài Nguyên và Môi trường và các địa phương:

+ Tiếp tục thực hiện Kế hoạch nâng cao chỉ số tiếp cận đất đai đã được UBND tỉnh phê duyệt.

+ Tăng cường giám sát công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở các huyện, thị xã và thành phố Huế; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chỉ thị số 50/2012/CT-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh về tiếp tục đẩy nhanh và hoàn thành cơ bản việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

2.6.3. Nâng cao tính minh bạch và tiếp cận thông tin

- Văn phòng UBND tỉnh: cải thiện chất lượng cung cấp thông tin dành cho doanh nghiệp trên Trang thông tin điện tử của Tỉnh; khai thác, sử dụng các phần mềm dùng chung.

- Sở Tài Nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, UBND các huyện, thị xã Hương Thủy, Hương Trà và thành phố Huế: tổ chức công bố, công khai các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp trong tiếp cận đất đai.

- Sở Thông tin và Truyền thông: thực hiện các biện pháp nâng cao chỉ số ICT của Tỉnh, triển khai cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Thông tin điện tử; tham mưu UBND tỉnh đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính.

2.6.4. Giảm chi phí về thời gian để thực hiện các quy định của Nhà nước

Sở Nội vụ:

- Triển khai thực hiện tốt Quyết định số 2485/QĐ-UBND ngày 28/12/2013 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2013 ở các cơ quan, đơn vị; củng cố, kiện toàn, thống nhất mô hình một cửa, một cửa liên thông hiện đại UBND cấp huyện và cấp xã.

- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị 51/2012/CT-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh về tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm trong thi hành công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.6.5. Giảm chi phí không chính thức

- Văn phòng UBND tỉnh chủ trì phối hợp cùng các cơ quan liên quan: đối thoại trực tiếp và giải quyết những vấn đề vướng mắc của cá nhân, tổ chức về vấn đề cải cách hành chính, cơ chế, chính sách.

- Sở Nội vụ: kiểm tra, giám sát Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương V về cải cách hành chính.

2.6.6. Nâng cao tính năng động và tiên phong của Lãnh đạo tỉnh

- Văn phòng UBND tỉnh: tăng cường công tác theo dõi, tổng hợp báo cáo kết quả chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.

- Các Sở, ngành, địa phương:

+ Triển khai các hoạt động hỗ trợ phát triển doanh nghiệp.

+ Nâng cao hiểu biết về các chính sách, quy định hiện hành của pháp luật để giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp

2.6.7. Thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp

- Văn phòng UBND tỉnh sớm hoàn thành đề án thành lập Trung tâm Xúc tiến và hỗ trợ đầu tư thuộc Văn phòng để thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh, chậm nhất đến 1/7/2013 đi vào hoạt động.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư:

+ Kết nối thông tin chặt chẽ với doanh nghiệp nhằm tiếp nhận và tham mưu giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.

+ Đo lường, đánh giá hiệu quả tác động của các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhằm tham mưu tăng cường hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp.

- Sở Công Thương: tăng cường tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, cung cấp thông tin thị trường, hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu mở rộng thị trường xuất khẩu, tìm kiếm đối tác kinh doanh.

- Các sở ngành, địa phương tập trung cao nhất các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp đảm bảo tạo thuận lợi nhất cho hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2.6.8. Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn lao động

- Sở Lao động Thương binh và Xã hội:

+ Nâng cao chất lượng đào tạo nghề của các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề và các trung tâm dạy nghề cấp huyện, các cơ sở mới thành lập.

+ Hỗ trợ các tổ chức và cá nhân phát triển dịch vụ giới thiệu việc làm và tổ chức sản giao dịch việc làm theo hướng xã hội hóa; gắn với kiểm soát chất lượng và tính pháp lý tạo môi trường tiếp cận việc làm an toàn, tin cậy cho người lao động.

- UBND các huyện, thị xã Hương Thủy, Hương Trà phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội: kiểm soát kết quả, nâng cao hiệu quả thực hiện Dự án đổi mới và phát triển dạy nghề thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia việc làm giai đoạn 2011 – 2015; Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, ngành, UBND cấp huyện, các Ban quản lý khu kinh tế, khu công nghiệp:

- Xây dựng và gửi Kế hoạch nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) về UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 30/6/2013.

- Tổ chức phổ biến đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức Kế hoạch Nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2013 của toàn tỉnh và của địa phương, đơn vị mình để nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong thực thi các nhiệm vụ, giải quyết, xử lý công việc.

- Báo cáo định kỳ kết quả triển khai Kế hoạch nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của đơn vị mình về Sở Kế hoạch và Đầu tư theo định kỳ hàng quý.

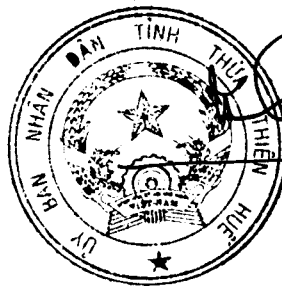
2. Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, theo dõi tình hình thực hiện Kế hoạch Nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) trên địa bàn toàn tỉnh; chức kiểm tra việc thực hiện, báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý./.

Nơi nhận:

- TV Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VCCI, VCCI miền Trung;
- Hội doanh nghiệp tỉnh;
- Các Sở, ngành thuộc UBND Tỉnh;
- UBND các huyện, TX. Hương Thủy, Hương Trà và TP. Huế;
- Lãnh đạo VP; các CV: TN, XD, CN, TM, NN, VH, XH, GD, KH, DN;
- Công thông tin điện tử, Đài TRT, HVTV, báo TTH để công bố;
- Lưu VT, XT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT, CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ngô Hòa